

GIẢI SBT TIẾNG ANH LỚP 4 THEO TỪNG UNIT

UNIT 1: NICE TO SEE YOU AGAIN

Unit 1. Nice to see you again trang 4 - 7 Sách bài tập (SBT) Tiếng Anh 4 mới

A. Phonics - Phát âm - Unit 1 Trang 4 SBT tiếng Anh 4

1. Complete and say the words aloud. (Hoàn thành từ sau đó đọc lớn những từ này.)

1. _inda 2. he__o 3. _ice 4. _ight

KEY:

1. Linda

2. hello (xin chào)

3. nice (đẹp)

4. night (buổi đêm) (lưu ý light là 1 từ có nghĩa là ánh sáng)

2) Complete with the words above and say the sentences aloud. Hoàn thành với những từ phía trên và đọc lớn những câu này.

1. Hi. I'm _____.

2. _____. I'm Nam.

3. _____ to see you again.

4. Good _____, Mum.

KEY:

1. Linda.

Xin chào. Tôi là Linda.

2. Hello.

Xin chào, tôi là Nam.

3. Nice

Rất vui khi được gặp lại bạn.

4. night

Chúc mẹ ngủ ngon.

B. Vocabulary - Từ vựng - Unit 1 trang 4 - 5 SBT tiếng Anh 4

1. Put the words and phrases under the correct pictures. Xếp những từ và cụm từ vào dưới những bức tranh sao cho đúng.

KEY:

Good morning

Bye

Hello

Good night

Good afternoon

Goodbye

2) Look and write. (nhìn và viết)

KEY:

1. again

Rất vui khi được gặp lại bạn.

2. Good

Xin chào buổi sáng, cô Hiền.

3. tomorrow

Hẹn gặp cậu ngày mai.

4. night

Chúc ngủ ngon.

C. Sentence Patterns - Cặp câu - Unit 1 trang 5 SBT tiếng Anh

1. Read and match. Đọc và nối câu

KEY:

1 - d

Good morning, class. Good morning, Miss Hien.

Chào buổi sáng, cả lớp. Chúng em chào buổi sáng, cô Hiên.

2 - e

How are you, Mai? I'm very well, thank you.

Bạn có khỏe không, Mai? Tôi rất khỏe, cảm ơn cậu.

3 - b

Goodbye, Miss Hien. Bye, Hoa. See you tomorrow.

Chào tạm biệt, cô Hiên. Tạm biệt em, Hoa. Hẹn gặp lại em vào ngày mai.

4 - a

Nice to see you again. Nice to see you, too.

Rất vui được gặp lại cậu. Tôi cũng rất vui được gặp lại cậu.

5 - c

Good night. Good night.

Chúc ngủ ngon. Chúc ngủ ngon.

2) Put the words in order. Then read aloud. Xếp từ theo thứ tự đúng . Sau đó đọc to lên.

KEY:

1. Nice to see you again.

Rất vui khi được gặp lại bạn

2. How are you?

Bạn có khỏe không?

3. See you later.

Hẹn gặp lại cậu

4. I am very well.

Tớ rất khỏe.

D. Speaking - Nói - Unit 1 Trang 6 SBT tiếng Anh 4

1) Read and reply (Đọc và đáp lại)

KEY:

1. Chào buổi sáng.

2. Tạm biệt. Hẹn gặp lại vào ngày mai.

3. Rất vui khi được gặp bạn.

4. Chúc ngủ ngon

2) Practise greeting your teachers at school. (Luyện tập chào giáo viên ở trường.)

Ví dụ: Good morning, teacher!

Good afternoon teacher!

Goodbye, teacher!

E. Reading - Đọc - Unit 1 trang 6 SBT tiếng Anh 4

1) Read and complete. (Đọc và hoàn thành hội thoại.)

KEY:

1. afternoon

Chào buổi chiều, cô Hiên.

2. Hi.

Chào Nam. Em có khỏe không?

3. fine

Em khỏe, em cảm ơn cô. Cô thì sao ạ?

4. thanks

Cô khỏe. Cảm ơn em.

2) Read and circle the correct answers. Đọc và khoanh tròn câu trả lời

KEY:

1. a

Lê Nam là một học sinh tiểu học à? - Đúng thế.

2. a

Trường của cậu ấy ở Hà Nội à? - Đúng thế.

3. b

Trường của cậu ấy nhỏ phải không? - Không.

4. a

Linda là bạn cậu ấy à? - Đúng thế.

Xin chào, tên tớ là Lê Nam. Tớ ở Hà Nội. Tớ học ở trường tiểu học Nguyễn Du. Nó là một ngôi trường lớn ở Hà Nội. Tớ có rất nhiều bạn. Tony, Phong, Linda và Mai là những người bạn của tớ.

F. Writing - Viết - Unit 1 Trang 7 SBT tiếng Anh 4

1. Look and write. Use the information from the Pupil's Book. Nhìn và viết, sử dụng những thông tin từ cuốn sách của những học sinh.

KEY:

2. Good afternoon. My name is Mai. I'm from Viet Nam. I'm a pupil.

Xin chào buổi chiều. Tên tôi là Mai. Tôi đến từ Việt Nam. Tôi là 1 học sinh.

3. Hello. I'm Tom. I'm from America. I'm a pupil.

Xin chào. Tôi là Tom Tôi đến từ Mỹ. Tôi là 1 học sinh.

4. Hi. I'm Linda. I'm from England. I'm a pupil.

Xin chào, tôi đến từ nước Anh. Tôi là 1 học sinh.

2) write about your friend (Viết về bạn của bạn)

His/ her name: (Tên cậu/ cô ấy là)

His/ her school:(Trường của cậu/ cô ấy là)

His/ her hometown:(Quê nhà của cậu/ cô ấy là)

His/ her friends: (Những người bạn của cậu/ cô ấy là)

Ví dụ:

- Her name is Khanh Linh.

- Her school is Dong Anh primary school.

- Her hometown is Ha Noi.

- Her friends are: Thuy Linh, Nhat Le, Dieu Linh, Linda and me.

Mời các bạn vào tham khảo các bài tiếp theo tại:

<https://vndoc.com/tai-lieu-hoc-tap-lop-4>